

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo trường TH Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng hỗ trợ học tập 2 tầng 6 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 30/2016/QH14, Luật 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Như Xuân về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, cải tạo trường TH Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng hỗ trợ học tập 2 tầng 6 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy;

Căn cứ Văn bản số 224/TĐ-PCCC ngày 16/6/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Thanh Hóa thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy công trình Nâng cấp, cải tạo trường TH Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng hỗ trợ học tập 2 tầng 6 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 64/KTHT-TĐ ngày 06/7/2023 (kèm theo Tờ trình số 12/TTr-THXB ngày 16/6/2023 của Trường TH Xuân Bình).

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo trường Tiểu học Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng hỗ trợ học tập 2 tầng 6 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy, với các nội dung sau:

**1. Tên công trình:** Nâng cấp, cải tạo trường Tiểu học Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng hỗ trợ học tập 2 tầng 6 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy.

**2. Chủ đầu tư:** Trường Tiểu học Xuân Bình, huyện Như Xuân.

**3. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường Tiểu học Xuân Bình, đảm bảo các điều kiện giáo dục, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh nhà trường.

**4. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo KTKT:** Công ty CP bất động sản VIET HOME LAND.

**5. Nhà thầu thẩm tra:** Công ty CP tư vấn và xây dựng TDT.

**6. Địa điểm xây dựng:** xã Xuân Bình, huyện Như Xuân.

**7. Loại, nhóm, cấp công trình:**

- Nhóm dự án: Nhóm C;
- Loại công trình: Công trình dân dụng;
- Cấp công trình: Công trình cấp III.

**8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:**

- Số bước thiết kế: 1 bước.
- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: thống nhất theo báo cáo thẩm định số 64/KTHT-TĐ ngày 06/7/2023 của phòng Kinh tế và Hạ tầng.

**9. Nội dung, quy mô đầu tư:**

**9.1. Nhà hiệu bộ và phòng hỗ trợ học tập 2 tầng 6 phòng**

a. Quy mô, giải pháp kiến trúc:

Tổng diện tích xây dựng khoảng 305 m<sup>3</sup>, diện tích sàn khoảng 678 m<sup>2</sup>; Trong đó bao gồm 3 phòng lớn (thư viện, phòng truyền thống đoàn đội, văn phòng) mỗi phòng 61 m<sup>2</sup>, các phòng còn lại mỗi phòng 19.5 m<sup>2</sup>, phòng vệ sinh 19.5 m<sup>2</sup>. Hành lang trước rộng 2.4 m, cầu thang bao gồm cầu thang chính và cầu thang thoát hiểm.

Tường xây gạch không nung tiêu chuẩn VXM50#, trát VXM 75#, sơn theo quy phạm một nước lót 2 nước phủ; Nền, sàn phòng hành lang lát gạch ceramic 600x600mm; nền sàn vệ sinh lát gạch ceramic 300x300mm; Cửa đi, cửa sổ, vách kính dùng cửa nhôm hệ kính an toàn dày 6.38mm, hoa sắt dùng sắt hộp 14x14 sơn chống gỉ. Lan can sắt sử dụng sắt hộp sơn chống gỉ, Tam cấp lát đá granite. Cấp điện sử dụng vật liệu tiêu chuẩn. Mái xây tường thu hồi 2 đầu nhà 220mm VXM M50# có giằng BTCT đá 1x2 vxM 200# kết hợp hệ xà gồ thép U80X40X3,2mm lợp tôn múi dày 0,4ly. Sê nô lán VXM 75# tạo dốc 2% về phía ống thoát nước PVC: D90.

b. Giải pháp kết cấu:

- Phần móng: Móng là móng đơn BTCT mác 250, kết hợp với móng xây gạch dưới tường, trên móng gạch có hệ thống dầm giằng 220x400mm có tác dụng đỡ tường, chiều sâu đặt móng tính từ cốt 0.00 là -1,50m. Bê tông móng, dầm giằng sử dụng bê tông M250, cốt liệu đá 1x2. Cốt thép sử dụng cho móng dùng các loại thép CI và CII. Tường móng xây gạch không nung VXM M75, lót móng bằng bê tông đá 4x6 VXM M100.

- Phần thân: Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực. Hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác M250 đổ tại chỗ; Tiết diện cột điển hình 220x300mm, 220x220; tiết diện dầm điển hình: 220x350mm; 220x500mm; sàn bê tông điển hình 120mm.

#### c. Giải pháp cấp điện

Nguồn điện lấy từ đường điện có sẵn; Dây dẫn dùng trong công trình chọn loại dây đôi cách điện PVC của liên doanh. Cấp nguồn cấp điện đến tủ điện tổng dây CU/PVC (2x16)mm<sup>2</sup>. Dây điện cấp đến tủ phòng dây CU/PVC 2x16 mm<sup>2</sup>. Toàn bộ dây dẫn trong các phòng được luồn trong ống SP D16; D27 đi ngầm trong tường và trong trần. Dây cấp điện ổ cắm dùng dây CU/PVC 2 x2,5 mm<sup>2</sup>; Dây cấp điện đèn+ quạt trần dùng dây CU/PVC 2 x1,5 mm<sup>2</sup>.

#### d. Giải pháp về chống sét:

Hệ thống chống sét được nối đặt theo kiểu lồng kết hợp kim thu sét được thiết kế theo qui phạm tiêu chuẩn. Hệ thống nối đất dùng cọc thép góc 63 x 63 x 6, L = 2500 đóng sâu xuống đất theo đúng sơ đồ chống sét. Hệ thống dây dẫn sét từ trên mái xuống dùng thép tròn  $\phi$  12 dây tiếp địa dùng thép  $\phi$  12 thép dẹt 40 x 4 chôn sâu 0,8m so với cốt sân, điện trở tiếp đất yêu cầu đặt  $RZ \leq 10\Omega$ .

#### e. Giải pháp cấp thoát nước

Nước mưa trên mái được thu về sân xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC D90 chạy dọc công trình và thải ra rãnh thoát nước xung quanh công trình sau đó tập trung vào vị trí hố ga thoát ra ngoài hệ thống thoát nước ngoài nhà. Trên sân tại các vị trí được bố trí ống pvc D32 thoát nước chống tràn cho công trình. đảm bảo cho hệ thống thoát nước mái được lưu thông.

### 9.2. Các hạng mục phụ trợ:

- Nhà chứa máy bơm PCCC: Khối nhà có hình thức kiến trúc đơn giản, có diện tích xây dựng 12,6m<sup>2</sup>; Tường bao xây gạch không nung theo tiêu chuẩn, trát vữa XM, sơn bả theo quy phạm. Nền lát gạch Ceramic. Cửa đi, cửa sổ dùng nhôm hệ. Móng xây gạch kết hợp giằng móng bê tông cốt thép 200#, đá 1x2.

- Bể chứa nước: Bể chứa nước có kích thước là 3,4x3,9x2,45m, đáy bể, nắp bể bằng BTCT đá 1x2 mác 200#, tường bê xây gạch BT đặc mác 75#.

- Phá dỡ các công trình cũ: Nhà hiệu bộ, nhà công vụ, tường rào (đoạn mở đườngphục vụ thi công).

- Các hạng mục phụ trợ khác: Sân lát gạch 113,4m<sup>2</sup>, sân bê tông 289,1m<sup>2</sup>, hoàn trả tường rào.

**10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí:**

**Tổng mức đầu tư: 5.400.000.000 đồng**

*(Bằng chữ: Năm tỷ, bốn trăm triệu đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 4.573.283.000 đồng
- Chi phí QLDA: 143.268.000 đồng
- Chi phí tư vấn: 498.536.000 đồng
- Chi phí khác: 47.490.000 đồng
- Chi dự phòng: 137.423.000 đồng

**11. Nguồn vốn:** Ngân sách huyện năm 2023 và các năm tiếp theo.

**12. Hình thức quản lý dự án:** Thực hiện theo quy định của pháp luật.

**13. Thời gian thực hiện:** Năm 2023.

**Điều 2.** Giao Trường Tiểu học Xuân Bình căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Trường Tiểu học Xuân Bình, huyện Như Xuân, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Như Xuân, Chi Cục thuế khu vực Như Thanh - Như Xuân, Chủ tịch UBND xã Xuân Bình, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chủ đầu tư (05 bản);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Anh Tuấn**

**PHỤ BIỂU**  
**TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH**

**Công trình: Nâng cấp, cải tạo trường TH Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.**  
**Hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng hỗ trợ học tập 2 tầng 6 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>				<b>4.157.530.140</b>	<b>415.753.013</b>	<b>4.573.283.000</b>	<b>Gxd</b>
1	NHÀ HIỆU BỘ VÀ PHÒNG HỖ TRỢ HỌC TẬP 2 TẦNG 6 PHÒNG		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	3.486.185.182	348.618.518	3.834.804.000	
2	PHÁ DỠ		1		44.492.653	4.449.265	48.942.000	
3	HOÀN TRẢ MẶT BẰNG		1		75.442.779	7.544.278	82.987.000	
4	BÊ PCCC		1		72.262.533	7.226.253	79.489.000	
5	NHÀ ĐỂ MÁY BƠM		1		55.834.704	5.583.470	61.418.000	
6	HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY		1		128.366.644	12.836.664	141.203.000	
7	HỆ THỐNG PCCC HẠ TẦNG		1		294.945.645	29.494.565	324.440.000	
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>3,446%</b>		<b>Gxd trước thuế x tỷ lệ</b>	<b>143.268.489</b>		<b>143.268.000</b>	<b>Gqlda</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>				<b>453.213.237</b>	<b>45.321.324</b>	<b>498.536.000</b>	<b>Gtv</b>
1	Chi phí khảo sát địa chất, địa hình			Theo quyết định số 04/QĐ-THXB ngày 16/02/2023	75.034.545	7.503.455	82.538.000	
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	2.251.036	225.104	2.476.000	
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	4,542%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	188.835.019	18.883.502	207.719.000	
4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,508%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	25.344.304	2.534.430	27.879.000	
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,432%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	17.960.530	1.796.053	19.757.000	
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,285%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	136.574.865	13.657.487	150.232.000	
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	3.055.407	305.541	3.361.000	

	xây dựng							
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.078.765	207.877	2.287.000	
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.078.765	207.877	2.287.000	
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>47.157.070</b>	<b>332.602</b>	<b>47.490.000</b>	<b>Gk</b>
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,08%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	3.326.024	332.602	3.659.000	
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,556%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	30.029.400		30.029.000	
3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	10.000.000		10.000.000	
4	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	15%		Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật x tỷ lệ	3.801.646		3.802.000	
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>						<b>137.423.000</b>	<b>Gdp</b>
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	2,611%		(Gxd+Gqlđ+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			137.423.000	
	<b>Tổng cộng</b>						<b>5.400.000.000</b>	<b>Gxdct</b>